

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH KIÊN GIANG  
Bản án số: **28/2019/HSST**  
Ngày: **25/10/2019**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Chiến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Ngô rô Be**

2. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Thu Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 27/2019/ HSST ngày 13 tháng 9 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/ HSST-QĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1. Trần Quốc D** (chồng của bị cáo Trần Minh H ), sinh năm 1988

Nơi cư trú: ấp Kinh 9A, xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: làm ruộng. Trình độ học vấn: 10/12. Con ông Trần Văn T, sinh năm 1954 và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1955. Vợ: Trần Minh H, sinh năm 1989. Con, có 02 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

**2. Trần Minh H (H)** (vợ bị cáo Trần Quốc D). Giới tính: Nữ, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp Kinh 9A, xã T , huyện T , Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: nội trợ. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Trần Minh C, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957. Chồng: Trần Quốc D, sinh năm 1988. Con, có 02 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

**3. Lương Văn M** , sinh năm 1971

Nơi cư trú: ấp Kinh 9A, xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: làm ruộng. Trình độ học

vấn: 02/12. Con ông Lương Văn T, sinh năm 1942 và bà Trần Thị Bé H, sinh năm 1950. Vợ: Huỳnh Mỹ H, sinh năm 1977. Con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

**4. Lương Văn T**, sinh năm 1984

Nơi cư trú: ấp Kinh 9A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: làm ruộng. Trình độ học vấn: 5/12. Con ông Lương Văn U, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962. Vợ: Võ Bạch T, sinh năm 1983. Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

**5. Huỳnh Văn T1**, sinh năm 1980

Nơi cư trú: ấp Kinh 9A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: làm ruộng. Trình độ học vấn: 02/12. Con ông Huỳnh Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954. Vợ: Phạm Thị Tuyết N, sinh năm 1978. Con, có 02 người, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2001. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

**6. Huỳnh Văn T2**, sinh năm 1976

Nơi cư trú: ấp Kinh 9A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: làm ruộng. Trình độ học vấn: 8/12. Con ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1950. Vợ: Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1985. Con, có 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

**7. Lê Hữu T**, sinh năm 1978

Nơi cư trú: ấp Kinh 9A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: làm ruộng. Trình độ học vấn: 8/12. Con ông Lê Văn B, sinh năm 1941 (chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1941 (chết). Vợ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1982. Con, có 02 người, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

**8. Đỗ Thanh V1** (anh trai của Đỗ Thanh V2), sinh năm 1973

Nơi cư trú: ấp Kinh 9A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Tài xế. Trình độ học vấn: 8/12. Con ông Đỗ Thành L, sinh năm 1935 và bà Trương Thị T (chết). Vợ: Lê Thị N, sinh năm 1983. Con: Đỗ Hà V, sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

**9. Đỗ Thanh V2** (em trai của Đỗ Thanh V1), sinh năm 1980

Nơi cư trú: ấp Kinh 9A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: cò máy cắt. Trình độ học vấn: 3/12. Con ông Đỗ Thành L, sinh năm 1935 và bà Trương Thị T (chết). Tiền sự: không. Tiền án: Ngày 09/10/2000 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

**10. Đỗ Thị Thu T** - sinh năm 1974

Nơi cư trú: ấp Kinh 9A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: làm ruộng. Trình độ học vấn: 5/12. Con ông Đỗ Văn T, sinh năm 1923 (chết) và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1928 (chết). Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1965. Con: Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1996. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

*(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

\* *Người làm chứng:* Ông **Trần Thanh Đ**, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh 9A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ ngày 01/6/2019, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế và ma túy Công an huyện T, tỉnh Kiên Giang bắt quả tang tại phần đất phía sau nhà của Trần Quốc D có 01 sòng bạc đang đánh bạc với hình thức bài binh Ấn Độ 06 lá, ăn thua bằng tiền. Có 13 người liên quan gồm: Trần Quốc D, Trần Minh H (H), Lương Văn M, Lương Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn T2, Lê Hữu T, Đỗ Thanh V1, Đỗ Thanh V2, Đỗ Thị Thu T, Bùi Thanh T, Trần Ngọc T, Trần Minh T.

Tiền hành thu giữ tại hiện trường gồm có: 40 (bốn mươi) lá bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng và 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 01 (một) tấm kính bằng nhựa trong suốt dùng cho việc đánh bạc; và 1.150.000đ.

Kiểm tra hành chính thu giữ điện thoại di động, tiền trên người của những người có mặt tại chiếu bạc gồm: Trần Minh H 399.000đ và 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Duos màu trắng đã qua sử dụng; Bùi Thanh T 26.740.000đ và 01 ĐTDĐ Nokia màu đen đã qua sử dụng; Đỗ Thanh V1 35.000đ; Lương Văn T 27.000đ và 01 ĐTDĐ Nokia màu đen; Lê Hữu T 300.000đ và 01 ĐTDĐ Nokia màu đen đã qua sử dụng; Đỗ Thị Thu T 01 ĐTDĐ Nokia màu đen; Huỳnh Văn T1 1.700.000đ và 01 ĐTDĐ Oppo màu hồng đã qua sử dụng; Lương Văn M 1.500.000đ và 01 ĐTDĐ Mobistar màu đen; Huỳnh Văn T2 1.610.000đ và 01

ĐTĐĐ Nokia màu đen đã qua sử dụng; Đỗ Thanh V2 số tiền 5.000đ và 01 ĐTĐĐ Samsung màu đen đã qua sử dụng; Trần Ngọc Thơ 75.000đ.

Qua kết quả điều tra, bị cáo Trần Quốc D khai nhận địa điểm mà Trần Quốc D cho nhiều người khác vào tham gia đánh bạc loại bài binh Ấn Độ 06 lá, ăn thua bằng tiền thuộc trên phần đất nằm phía sau nhà Trần Quốc D thuộc ấp Kinh 9A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Trần Quốc D lấy bài ra cho mọi người đánh bạc để lấy tiền xâu. Lúc đầu Lê Hữu T làm cái khoảng 02 đến 03 bàn nhưng sau đó nghỉ vì không có người chơi. Tiếp tục đến Trần Quốc D làm cái, thấy Trần Quốc D làm cái thua nhiều tiền nên Trần Minh H (vợ Trần Quốc D) làm cái, sau đó đến ông Trần Thanh Đ, sinh năm 1967, ngụ tại ấp Kinh 9, thị trấn T và Lương Văn M, cứ mỗi người làm cái từ 04 đến 06 bàn thì xâu cho Trần Quốc D từ 10.000đ đến 20.000đ. Trần Thanh Đ làm cái đã xâu cho Trần Quốc D được 20.000đ, đến lượt Lương Văn M làm cái chưa xâu được tiền thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang.

Các bị cáo tham gia đánh bạc loại bài binh Ấn Độ 06 lá, ăn thua bằng tiền với số tiền đánh bạc là 6.726.000đ (Sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng) gồm: Trần Quốc D, Trần Minh H (H), Lương Văn M, Lương Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn T2, Lê Hữu T, Đỗ Thanh V1, Đỗ Thanh V2, Đỗ Thị Thu T. Các bị cáo đánh bài ăn thua mỗi bàn từ 10.000đ đến 50.000đ, hình thức đánh bạc như sau: đánh bài binh Ấn Độ 06 lá sử dụng loại bài tây 52 lá để chơi bài, ai có đủ tiền thì làm cái, ai muốn làm cái cũng được. Người làm cái chia mỗi tụ 06 lá bài. Sau khi chia bài xong, mỗi tụ cầm bài binh và chia là 02 chi, mỗi chi 03 lá bài. Tụ nào binh xong thì úp bài chờ các tụ còn lại binh xong hết thì mới mở bài ra tính thắng hay thua. Tính thắng hay thua thì tính giữa tụ cái và những người chơi, không tính thắng thua với nhau. Chi bài tính lớn nhỏ để ăn thua như sau: chi bài lớn nhất là chi bài có 03 lá bài tây, kế nhỏ hơn là chi bài có 09 nút (03 lá bài cộng lại được 09 nút), kế đó là các nút có số thứ tự nhỏ hơn và nhỏ nhất là chi bài bù (số nút trên 01 là bài cộng lại là chẵn chục 10 hoặc 20, 30 nút).

Các bị cáo đã tham gia đánh bạc với số tiền như sau:

+ Trần Quốc D : ngày 01/6/2019 bị bắt quả tang, cho các bị cáo vào phần đất nằm phía sau nhà mình đánh bạc. Trần Quốc D mua sẵn bài là loại 52 cây cho mọi người đánh bài binh Ấn Độ 06 lá để ăn tiền. Trần Quốc D làm cái khoảng 4 đến 5 bàn thua hết 80.000đ. Do làm cái thua tiền nên Trần Quốc D để người khác làm cái. Trần Quốc D đã thu tiền xâu của Trần Thanh Đ được 20.000đ, đến lượt Lương Văn M làm cái chưa kịp lấy tiền xâu thì bị Công an bắt quả tang. Trước đó Trần Quốc D khai nhận có chứa đá gà và đánh bài ăn tiền khoảng một tháng nhưng không liên tục, mỗi tuần khoảng 02 lần và lấy xâu những lần đó được khoảng 600.000đ.

+ Trần Minh H (H): thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc trong ngày 01/6/2019. Thấy Trần Quốc D làm cái thua nhiều tiền nên Trần Minh H làm cái được khoảng 03 bàn thắng lại đủ vốn thì nghỉ làm cái. Sau khi nghỉ làm cái đi ra làm nước cho khách thì Trần Minh H tiếp tục vào chơi, khi tham gia đánh bạc mang theo 449.000đ, thua hết 50.000đ, còn lại 399.000đ bị bắt quả tang Công an tạm giữ.

+ Lương Văn M : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 01/6/2019 tại nhà Trần Quốc D . Sau khi Trần Thanh Đ nghỉ làm cái thì Lương Văn M mới vào sòng bạc làm cái. Khi vào đánh bạc mang theo 1.500.000đ để đánh bạc và chung chi cho những người chơi nếu làm cái thua, nhưng khi vào chơi thì có bàn ăn, bàn thua, Lương Văn M có được từ 100.000đ đến 200.000đ để dưới đất chỗ Lương Văn M ngồi nên chưa sử dụng đến số tiền trên. Khi bị bắt quả tang Cơ quan Công an thu giữ hết 1.500.000đ.

+ Lương Văn T : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 01/6/2019 tại nhà Trần Quốc D . Do Lương Văn M là anh chú bác ruột với Lương Văn T nên Lương Văn T không tham gia đặt mà “ăn có”, hùn tiền với Lương Văn M khi Lương Văn M làm cái với số tiền mỗi bàn là 20.000đ. Sau khi kết thúc một bàn, chung chi cho những người chơi xong nếu Lương Văn M thắng thì Lương Văn T sẽ nhận được 20.000đ. Ngược lại, nếu Lương Văn M làm cái thua thì sẽ Lương Văn T sẽ hùn vô số tiền 20.000đ để Lương Văn M trả cho những người chơi. Khi tham gia đánh bạc, Lương Văn T mang theo 27.000đ thì bị Cơ quan Công an thu giữ hết số tiền trên. Trong khi Lương Văn M làm cái, Lương Văn T hùn tiền để “ăn có” với Lương Văn M được 03 bàn trong đó 01 bàn thắng, 01 bàn huề vốn, bàn còn lại chưa biết kết quả nên chưa hùn tiền và cũng chưa kịp lấy tiền của Lương Văn M thì bị Công an bắt quả tang.

+ Huỳnh Văn T1 : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 01/6/2019 tại nhà Trần Quốc D. Mang theo 1.900.000đ để đánh bạc thì thua hết 200.000đ. số tiền còn lại là 1.700.000đ bị Công an thu giữ.

+ Huỳnh Văn T2 : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 01/6/2019 tại nhà Trần Quốc D. Khi tham gia mang theo 1.510.000đ thắng được 100.000đ bị Công an thu giữ hết số tiền 1.610.000đ.

+ Lê Hữu T : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 01/6/2019 tại nhà Trần Quốc D. Lúc bắt đầu chơi có khoảng 04 người thì Lê Hữu T làm cái khoảng 02 đến 03 bàn thì nghỉ do không có người chơi. Sau đó, Trần Quốc D vào làm cái thì Lê Hữu T không làm cái nữa mà tiếp tục đặt tụ bài chơi đến khi bị bắt quả tang. Khi tham gia đánh bạc mang theo 400.000đ thua hết 100.000đ, số tiền còn lại 300.000đ bị bắt Công an thu giữ.

+ Đỗ Thanh V1 : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 01/6/2019 tại nhà Trần Quốc D. Khi tham gia mang theo 85.000đ để đánh bạc, lúc này Lương

Văn M làm cái, Đỗ Thanh V1 thua hết 50.000đ bị Công an thu giữ hết số tiền còn lại là 35.000đ.

+ Đỗ Thanh V2 : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 01/6/2019 tại nhà Trần Quốc D. V2 đi làm ngang qua nhà Trần Quốc D thấy có sòng bạc nên vào tham gia mang theo 55.000đ để đánh bạc thua hết 50.000đ từ khi Trần Thanh Đ làm cái, đến khi Lương Văn M làm cái thì bị Công an thu giữ hết số tiền còn lại là 5.000đ.

+ Đỗ Thị Thu T: thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 01/6/2019 tại nhà Trần Quốc D. Sau khi đi chợ về ghé ngang nhà Trần Quốc D tham gia đánh bạc mang theo 100.000đ. Đỗ Thị Thu T đặt hai bàn thua hết 50.000đ, đến bàn thứ ba chưa có kết quả thì bị bắt thu giữ hết số tiền nằm trên sòng bạc.

Bản Cáo trạng số 26/2019/CT-VKSTH ngày 13/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang, truy tố các bị cáo Trần Quốc D , Trần Minh H, Lương Văn M , Lương Văn T , Huỳnh Văn T1 , Huỳnh Văn T2 , Lê Hữu T , Đỗ Thanh V1 , Đỗ Thanh V2 , Đỗ Thị Thu T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như đã diễn dẫn nêu trên. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc D từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Minh H từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ

Xử phạt bị cáo Lương Văn M từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ

Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T1 từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T2 từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh V1 từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thu T từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh V2 từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ

**\* Về xử lý vật chứng:**

- Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

40 (bốn mươi) lá bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng và 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 01 (một) tấm kính bằng nhựa trong suốt dùng cho việc đánh bạc; là vật chứng dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền Việt Nam dùng vào việc đánh bạc là **7.346.000đ** (Bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), (trong đó: tiền thu tại chiếu bạc là 1.150.000đ; số tiền trên người các bị cáo mang theo dùng để đánh bạc là 5.576.000đ; tiền râu bị cáo Trần Quốc D tự giao nộp là 620.000đ, trong đó 20.000đ là tiền bị cáo D lấy râu ngày bị Công an bắt quả tang) cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, được nộp vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện T, tỉnh Kiên Giang theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước để đảm bảo cho việc xét xử và thi hành án.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát luận tội, các bị cáo nhận tội, không tranh luận gì thêm với đại diện Viện kiểm sát. Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, biên bản bắt phạm tội quả tang và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Vào ngày 01/6/2019, bị cáo Trần Quốc D đã sử dụng phần đất sau nhà của mình cho Trần Minh H (H), Lương Văn M, Lương Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn T2, Lê Hữu T, Đỗ Thanh V1, Đỗ Thanh V2, Đỗ Thị Thu T đánh bạc trái phép, với hình thức đánh bài binh Ẩn Độ 06 lá bằng loại bài tây 52 lá, ăn thua bằng tiền với số tiền dùng vào việc đánh bạc tại sòng bạc là **6.726.000đ** (Sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Lúc bắt đầu chơi bị cáo Lê Hữu T là người làm cái, sau đó đến bị cáo Trần Quốc D làm cái thua hết 80.000đ, vợ bị cáo Trần Quốc D là bị cáo Trần Minh H thấy D làm cái thua nhiều nên thay D làm cái, kế đó là Trần Thanh Đ và Lương Văn M tham gia với vai trò làm

cái. Trần Quốc D cho mượn chỗ là phần đất sau nhà mình và mua bài cho những người khác đánh bạc, thu tiền xâu, thu lợi bất chính tại chiếu bạc này được số tiền 20.000đ. Trước đó, bị cáo D có chứa đá gà và đánh bài ăn tiền khoảng một tháng nhưng không liên tục, mỗi tuần khoảng 02 lần và lấy xâu những lần đó được 620.000đ (trong đó 20.000đ là tiền bị cáo D lấy xâu ngày bị Công an bắt quả tang) đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Quốc D thừa nhận đồng ý cho mọi người vào mình đánh bạc lấy tiền xâu và trực tiếp tham gia đánh bạc, bị cáo lấy tấm kính bằng nhựa mica trong suốt và mua các bộ bài tây để mọi người cùng đánh bạc thì bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo Trần Quốc D chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” hoặc “Gá bạc”, nhưng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”.

Các bị cáo: bị cáo Trần Minh H thừa nhận đem theo 449.000đ để đánh bạc, bị cáo Lương Văn M đem theo 1.500.000đ, bị cáo Lương Văn T đem theo 27.000đ, bị cáo Huỳnh Văn T1 đem theo 1.900.000đ, bị cáo Huỳnh Văn T2 đem theo 1.510.000đ, bị cáo Lê Hữu T đem theo 400.000đ, bị cáo Đỗ Thanh V1 đem theo 85.000đ, bị cáo Đỗ Thanh V2 đem theo 55.000đ, bị cáo Đỗ Thị Thu T đem theo 100.000đ để đánh bạc. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo Trần Quốc D, Trần Minh H, Lương Văn M, Lương Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn T2, Lê Hữu T, Đỗ Thanh V1, Đỗ Thanh V2, Đỗ Thị Thu T về tội “Đánh bạc” về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm vào lĩnh vực trật tự cộng đồng, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức được đánh bạc là hành vi vi phạm pháp luật, bởi đây là hình thức đánh bạc được ăn thua bằng tiền bị Nhà nước nghiêm cấm, nó là một tệ nạn xã hội, là một trong những nguyên nhân dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình, kiệt quệ kinh tế và dẫn đến các loại tội phạm khác, trong vụ án này đa phần các bị cáo đều có nghề nghiệp ổn định, nhưng không lo lao động chính đáng mà ngược lại vì vụ lợi mà các bị cáo tham gia sát phạt ăn thua bằng tiền một cách trái pháp luật, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc trong vụ án này là **6.726.000đ** (Sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Do đó, xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm là cần thiết, để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án là đồng phạm giản đơn, không phân công tổ chức, hành vi phạm tội tự phát, các bị cáo rủ nhau vào nhà bị cáo Trần Quốc D để đánh bạc, bị cáo D là chủ nhà đã đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại phần đất sau nhà mình để lấy tiền xâu, tấm kính bằng nhựa mica trong suốt và các bộ bài tây là của bị cáo D chuẩn bị; bị cáo D cùng bị cáo Trần Minh H, bị cáo Lê Hữu T và bị

cáo Lương Văn M thay nhau làm cái, các bị cáo khác tham gia đánh bạc với vai trò tích cực ngang nhau, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với từng hành vi phạm tội của mình.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo Trần Quốc D , Trần Minh H (H), Lương Văn M , Lương Văn T , Huỳnh Văn T1 , Huỳnh Văn T2 , Lê Hữu T , Đỗ Thanh V1 , Đỗ Thị Thu T, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Trần Quốc D tự nguyện nộp lại số tiền thu tiền lợi bất chính từ những hành vi đánh bạc trước khi bị bắt quả tang là 600.000đ và 20.000đ là tiền bị cáo D lấy xâu ngày bị Công an bắt quả tang và có cha ruột là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo Đỗ Thị Thu T có cha ruột được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Trần Minh H (vợ của bị cáo D) đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; bị cáo Đỗ Thanh V1 bị bệnh suy thận giai đoạn 5 (thuộc danh mục các bệnh hiểm nghèo kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ); nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Quốc D , Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự chuyển khung hình phạt xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình.

Riêng bị cáo Đỗ Thanh V2 có nhân thân không tốt, có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do vậy, xử phạt các bị cáo trong mức án đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ sức răn đe và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 40 (bốn mươi) lá bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng và 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 01 (một) tấm kính bằng nhựa trong suốt dùng cho việc đánh bạc; do vật chứng là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền **7.346.000đ** (Bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), tiền dùng vào việc đánh bạc. Trong đó: tiền thu tại chiếu bạc là 1.150.000đ; số tiền trên người các bị cáo mang theo dùng để đánh

bạc 5.576.000đ; tiền xâu bị cáo Trần Quốc D tự giao nộp là 620.000đ, trong đó 20.000đ là tiền bị cáo D lấy xâu ngày 01/6/2019 bị bắt quả tang).

Số tiền trên được nộp theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số CT: 0001009 tại Kho bạc Nhà nước huyện T, tỉnh Kiên Giang của Chi cục thuế huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, bị cáo Trần Quốc D khai nhận trước đó D có chứa đá gà và đánh bài ăn tiền khoảng một tháng nhưng không liên tục, mỗi tuần khoảng 02 lần và lấy xâu những lần đó được 620.000đ, trong đó 20.000đ là tiền bị cáo D lấy xâu ngày 01/6/2019 bị bắt quả tang đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra, qua điều tra chưa đủ căn cứ xác định Trần Quốc D phạm tội nhiều lần, tuy nhiên đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc Đánh bạc nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định những vật chứng đã thu giữ không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho bị cáo Trần Minh H 01 ĐTDĐ Samsung Duos màu trắng; trả lại cho Bùi Thanh T 01 ĐTDĐ Nokia màu đen và 26.740.000đ; trả lại cho bị cáo Lương Văn T 01 ĐTDĐ Nokia màu đen; trả lại cho bị cáo Lê Hữu T 01 ĐTDĐ Nokia màu đen; trả lại cho bị cáo Đỗ Thị Thu T 01 ĐTDĐ Nokia màu đen; trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn T1 01 ĐTDĐ Oppo màu hồng; trả lại cho bị cáo Lương Văn M 01 ĐTDĐ Mobistar màu đen đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn T2 01 ĐTDĐ Nokia màu đen; trả lại cho bị cáo Đỗ Thanh V2 01 ĐTDĐ Samsung màu đen; trả lại cho Trần Ngọc T số tiền 75.000đ; là phù hợp.

Qua xác minh Bùi Thanh T và Trần Ngọc T có mặt tại hiện trường nhưng không tham gia đánh bạc, nên không xem xét xử lý và số tiền trên xác định là tiền cá nhân của Bùi Thanh T và Trần Ngọc T nên xem xét trả lại; là phù hợp.

Đối với Trần Thanh Đ tham gia đánh bạc với vai trò người làm cái tại sòng bạc vào ngày 01/6/2019. Quá trình điều tra xác định: khi Đ làm cái thì chỉ có các bị cáo Huỳnh Văn T2, Huỳnh Văn T1, Lê Hữu T, Đỗ Thanh V1, Đỗ Thanh V2, Đỗ Thị Thu T, Lương Văn T tham gia; bị cáo Trần Minh H và Lương Văn M không tham gia nên lúc này số tiền đánh bạc là 4.827.000đ (dưới 5.000.000đ) không đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc. Do đó, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Trần Thanh Đ số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng); là phù hợp.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Trần Quốc D , Trần Minh H, Lương Văn M , Lương Văn T , Huỳnh Văn T1 , Huỳnh Văn T2 , Lê Hữu T , Đỗ Thanh V1 , Đỗ Thanh V2 , Đỗ Thị Thu T phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; khoản 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc D 04 (bốn) tháng tù giam. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Minh H 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

Xử phạt bị cáo Lương Văn M 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T1 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T2 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh V1 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thu T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh V2 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

### **2. Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 40 (bốn mươi) lá bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng và 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 01 (một) tấm kính bằng nhựa trong suốt dùng cho việc đánh bạc.

Các vật chứng trên, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số 24/QĐ-VKSTH ngày 13/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền **7.346.000đ** (Bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Trong đó: tiền thu tại chiếu bạc là 1.150.000đ; số tiền trên người các bị cáo mang theo dùng để đánh bạc là 5.576.000đ; tiền xâu bị cáo Trần Quốc D tự giao nộp là 620.000đ, trong đó 20.000đ là tiền bị cáo D lấy xâu ngày 01/6/2019 bị Công an bắt quả tang). Số tiền trên được nộp theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số CT: 0001009 tại Kho bạc Nhà nước huyện T , tỉnh Kiên Giang của Chi cục thuế huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T làm thủ tục yêu cầu Chi

cục thuế huyện T chuyển số tiền trên đang tạm gửi là tang vật vi phạm trong vụ án tại Kho bạc Nhà nước huyện T qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang để Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang thực hiện theo quyết định trên của bản án.

**3. Án phí hình sự sơ thẩm:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Quốc D, Trần Minh H, Lương Văn M, Lương Văn T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn T2, Lê Hữu T, Đỗ Thanh V1, Đỗ Thanh V2, Đỗ Thị Thu T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

**4. Quyền kháng cáo:** Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T ;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo, người TGTT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chiến**